CURRENT STATUS OF PARTICIPATING IN SCIENTIFIC RESEARCH OF STUDENTS AT THE INSTITUTE OF PREVENTIVE MEDICINE AND PUBLIC HEALTH TRAINING - HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2023

Le Dinh Luyen*, Le Thi Huong, Pham Bich Diep, Nguyen Thi Thu Huong, Dam Thi Ngoc Anh

Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 11/10/2024
Revised: 28/10/2024; Accepted: 22/02/2025

ABSTRACT

Introduction: Scientific research is an important activity that helps health students develop skills and apply knowledge into practice. However, the rate of students participating in scientific research is still low due to many difficulties such as limitations in knowledge, time and funding.

Objective: Describe the current status of scientific research participation and identify factors related to publishing scientific articles of students of the Institute of Preventive Medicine and Public Health - Hanoi Medical University in 2023.

Research methods: Cross-sectional descriptive study on 236 students of the Institute of Preventive Medicine and Public Health - Hanoi Medical University in 2023. Data were collected through self-administered questionnaires, focusing on surveying the current status and factors related to students' participation in scientific research.

Results: 10.6% of students had participated in scientific conferences, with 4.2% being the lead author and presenter. 20 students contributed to at least 1 published domestic article and 5 students contributed to at least 1 published international article. Additionally, 11.1% of students were able to write articles independently without the support of their instructors. Notably, attending scientific research training courses was statistically associated with participation in published articles. .

Conclusion: The participation rate of students in scientific research remains low. The university should regularly organize workshops to equip students with the necessary research skills.

Keywords: Scientific research, students, Hanoi Medical University.

*Corresponding author
Email: luyenld@hmu.edu.vn **Phone:** (+84) 944833998 **Https:**//doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2059

THỰC TRẠNG THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN VIỆN ĐÀO TẠO Y HỌC DỰ PHÒNG VÀ Y TẾ CÔNG CỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2023

Lê Đình Luyến*, Lê Thị Hương, Phạm Bích Diệp, Nguyễn Thị Thu Hường, Đàm Thị Ngọc Anh

Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 11/10/2024
Chỉnh sửa ngày: 28/10/2024; Ngày duyệt đăng: 22/02/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nghiên cứu khoa học là hoạt động quan trọng giúp sinh viên ngành sức khỏe phát triển kỹ năng và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH còn thấp do nhiều khó khăn như hạn chế về kiến thức, thời gian và kinh phí.

Mục tiêu: Mô tả thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học và xác định các yếu tố liên quan đến xuất bản bài báo khoa học của sinh viên Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng - Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 236 sinh viên Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng – Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023. Dữ liệu thu thập thông qua bảng câu hỏi tự điền, tập trung vào việc khảo sát thực trạng và các yếu tố liên quan đến tham gia NCKH của sinh viên.

Kết quả: 10,6% sinh viên đã từng tham gia hội nghị khoa học, 4,2% là tác giả chính và là người trình bày tại hội nghị. Có 20 sinh viên tham gia ít nhất 1 bài báo trong nước và 5 sinh viên tham gia ít nhất 1 bài báo quốc tế đã xuất bản. 11,1% sinh viên tự viết báo mà không cần thầy/cô giúp đỡ. Đặc biệt, tham gia các khóa học hỗ trợ nghiên cứu khoa học có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tham gia viết báo.

Kết luận: Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học còn thấp. Nhà trường cần thường xuyên tổ chức hội thảo trang bị kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học, sinh viên, Đại học Y Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động trí tuệ quan trọng trong quá trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt đối với sinh viên khối ngành sức khỏe. Tham gia NCKH giúp sinh viên phát triển kỹ năng vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu vào thực tiễn, từ đó có thể giải quyết các vấn đề khoa học nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp [1]. Hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao kiến thức mà còn giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cần thiết như phân tích số liệu, đánh giá tài liệu và thiết kế nghiên cứu, hỗ trợ họ trong việc đề xuất giải pháp dựa trên dữ liệu nhằm cải thiện sức khỏe cộng đồng một cách hiệu quả.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam đã tìm hiểu về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên. Theo Salgueira và cộng sự (2012), sự tham gia NCKH của sinh viên chịu tác động bởi các yếu tố cá nhân, bao gồm đặc điểm cá nhân và điểm trung bình học tập [2]. Nghiên cứu tại Trường Đại học Cần Thơ cho thấy tỷ lệ sinh viên thực hiện đề tài NCKH còn thấp, với chỉ 5% sinh viên tham gia [3]. Trong khi một nghiên cứu khác tại Việt Nam báo cáo rằng 63% sinh viên chưa từng tham gia NCKH [4]. Những khó khăn thường gặp phải trong quá trình NCKH của sinh viên bao gồm hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm, thời gian và kinh phí [5]. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành y, khả năng xây dựng đề tài, kỹ năng thống kê, và hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu vẫn còn nhiều hạn chế [6].

Trường Đại học Y Hà Nội đặt mục tiêu phát triển thành một trường đại học nghiên cứu, với yêu cầu gia tăng cả về số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu

*Tác giả liên hệ
Email: luyenld@hmu.edu.vn **Điện thoại:** (+84) 944833998 **Https:**//doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2059

khoa học. Do đó, khả năng NCKH và xuất bản của sinh viên cũng là một chỉ số quan trọng đóng góp vào chất lượng nghiên cứu của trường. Nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ cho các chương trình thúc đẩy NCKH, nghiên cứu này được thực hiện nhằm:

(1) Mô tả thực trạng tham gia NCKH;

(2) Xác định các yếu tố liên quan đến xuất bản bài báo khoa học của sinh viên Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên hệ chính quy của Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng - Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2022-2023.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên khối Y2 đến Y6 ngành Y học dự phòng (YHDP), khối Y2 đến Y4 ngành Y tế Công cộng (YTCC) và Dinh dưỡng (DD).

- Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên vắng mặt tại thời điểm khảo sát; Sinh viên điền thiếu nhiều thông tin trên phiếu khảo sát.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 1/2023 đến 12/2023. Dữ liệu được thu thập vào tháng 3/2023.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

- Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỉ lệ trong quần thể

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n là cỡ mẫu tối thiểu, p = 8,7% là tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH [7]

- $Z_{1-\alpha/2}$ là giá trị từ phân bố chuẩn, được tính dựa trên mức ý nghĩa thống kê $Z_{1-\alpha/2}$=1,96 khi chọn mức ý nghĩa thống kê =5%).

- Chọn d = 0,04.

Cỡ mẫu tối thiểu là 191. Trên thực tế, dữ liệu đã thu thập được từ 236 sinh viên trong tổng số 672 sinh viên, đạt tỷ lệ phản hồi là 35,1%.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu được chọn thuận tiện, gửi khảo sát trực tuyến qua chủ nhiệm khối.

2.4. Biến số nghiên cứu

Thông tin chung: Gồm các biến số như giới tính, năm sinh, chuyên ngành đào tạo và năm học hiện tại của sinh viên.

Thực trạng tham gia NCKH: Gồm biến số như đã học môn NCKH trong chương trình đào tạo chính quy, tham gia các khóa học NCKH khác, tham gia hội nghị khoa học, vai trò là người tham dự hoặc người trình bày, số lượng bài báo đã xuất bản (trong nước và quốc tế), và vai trò của giảng viên hướng dẫn trong các bài báo đã được xuất bản.

2.5. Công cụ và quy trình thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu: Căn cứ vào bản chất hoạt động học tập và khung lý thuyết liên quan đến NCKH trong sinh viên, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bộ câu hỏi khảo sát và thiết kế trên phần mềm REDcap. Trước khi tiến hành khảo sát chính thức, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thử nghiệm bộ câu hỏi với 5 sinh viên để kiểm tra tính rõ ràng, dễ hiểu và đảm bảo chất lượng, từ đó hoàn thiện bộ công cụ trước khi gửi cho sinh viên tham gia nghiên cứu.

Kỹ thuật thu thập thông tin: Nhóm nghiên cứu đã phối hợp với chủ nhiệm các khối học gửi đường link khảo sát trực tuyến đến các lớp. Sinh viên khảo sát trên cơ sở tự nguyện, tự điền thông tin vào các câu hỏi trực tuyến và nộp kết quả qua hệ thống quản lý dữ liệu trực tuyến.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS20.0. Các phép thống kê mô tả tính được sử dụng để tính toán tần suất và phần trăm cho các biến số. Để xác định các yếu tố liên quan giữa biến độc lập (giới tính, năm học, chuyên ngành, số môn NCKH đã học, tham gia các khóa học hỗ trợ NCKH) và biến phụ thuộc (sinh viên đã tham gia xuất bản bài báo trong nước và quốc tế), nhóm nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy logistic đơn biến và đa biến.

Trong phân tích hồi quy logistic đa biến, các biến độc lập được đồng thời đưa vào mô hình để tính toán OR hiệu chỉnh, loại bỏ tác động gây nhiễu giữa các yếu tố, nhằm xác định mối quan hệ độc lập giữa từng yếu tố và khả năng tham gia xuất bản bài báo. Các kết quả phân tích được báo cáo theo OR và 95% khoảng tin cậy (CI) để đánh giá độ mạnh và độ tin cậy của mối liên quan.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua bởi Hội đồng khoa học phê duyệt đề tài cơ sở của Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội theo quyết định số 221/QĐ-ĐHYHN ngày 26/1/2024.

Đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ mục tiêu nghiên cứu. Nghiên cứu thực hiện trên sự đồng ý tham gia nghiên cứu của đối tượng. Thông tin cá nhân của người trả lời được giữ bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung (n=236)

Đặc điểm chung		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	44	18,6
	Nữ	192	81,4
Sinh viên năm	Y2	48	20,3
	Y3	81	34,3
	Y4	49	20,8
	Y5	20	8,5
	Y6	38	16,1
Chuyên ngành	Bác sĩ Y học dự phòng	75	31,8
	Cử nhân Dinh dưỡng	137	58,0
	Cử nhân Y tế công cộng	24	10,2
Đã học NCKH trong chương trình đào tạo chính quy	Chưa được học	48	20,3
	Đã học 1 môn về NCKH	90	38,1
	Đã học 2 môn về NCKH	98	41,6
Ngoài khóa học về NCKH, bạn có được hỗ trợ đào tạo NCKH khác không	Chưa bao giờ	189	80,1
	Đã tham gia	47	19,9

Bảng 1 cho thấy nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn (81,4%). Sinh viên Y3 chiếm tỷ lệ cao nhất (34,3%), Y5 chiếm tỷ lệ thấp nhất (8,5%). Sinh viên ngành DD tham gia đông nhất (58,0%). 41,6% sinh viên đã học 2 môn NCKH và 80,1% sinh viên chưa bao giờ tham gia các hoạt động hỗ trợ đào tạo NCKH khác.

3.2. Thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 10,6% sinh viên đã từng tham gia hội nghị NCKH và 89,4% sinh viên chưa bao giờ tham gia hội nghị NCKH.

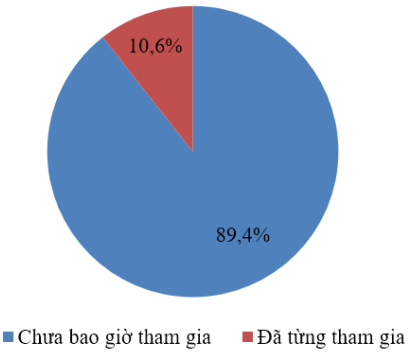

Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên đã từng tham gia hội nghị NCKH từ khi trở thành sinh viên

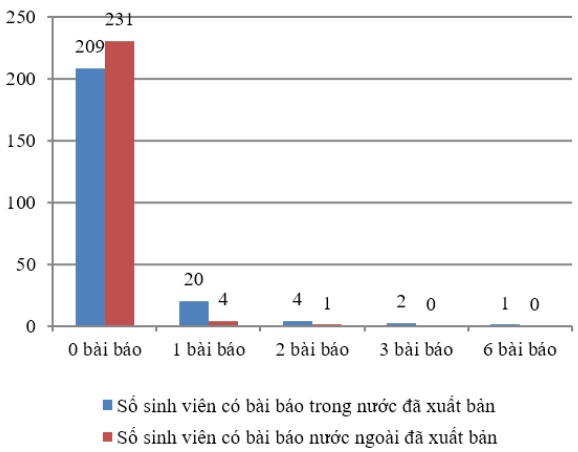

Biểu đồ 2. Số lượng bài báo khoa học trong nước và quốc tế mà sinh viên tham gia viết bài

Biểu đồ 2 cho thấy trong số 236 sinh viên, có 1 sinh viên tham gia viết 6 bài báo, 2 sinh viên tham gia 3 bài báo, 4 sinh viên tham gia 2 bài báo và 20 sinh viên tham gia 1 bài báo được xuất bản trong nước. Đối với bài báo quốc tế đã xuất bản, có 4 sinh viên tham gia viết 1 bài báo, 1 sinh viên tham gia viết 2 bài báo.

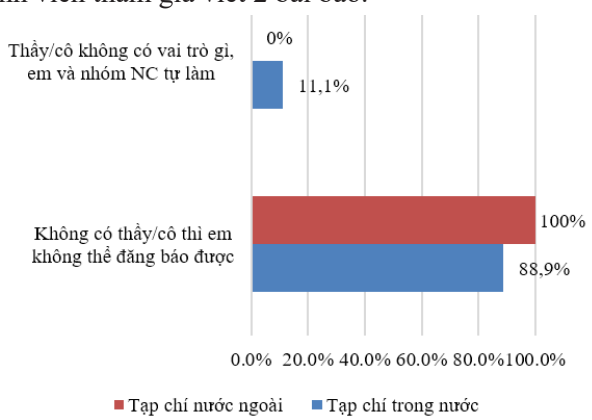

Biểu đồ 3. Vai trò hướng dẫn của thầy/cô trong các bài báo đã xuất bản

Trong số 27 sinh viên đã xuất bản bài báo trong nước, 88,9% sinh viên cho rằng *"không có thầy/cô thì không thể đăng báo được"*, 11,1% sinh viên và nhóm nghiên cứu tự làm, không cần thầy cô giúp đỡ. Đối với tạp chí nước ngoài, 100% sinh viên cần hỗ trợ của thầy/cô.

3.3. Một số yếu tố liên quan tới xuất bản bài báo khoa học của sinh viên Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng - Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2022-2023

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan tới xuất bản bài báo khoa học của sinh viên

Yếu tố liên quan	Tham gia viết báo đã được xuất bản		OR thô; (95% CI)	OR hiệu chỉnh; (95% CI)
	Có (n=30)	Không (n=206)		
Giới tính				
Nam	6 (13,6)	38 (86,4)	1	1
Nữ	24 (12,5)	168 (87,5)	0,91 (0,35-2,37)	1,23 (0,37-4,11)
Năm học				
Y3	7 (8,6)	74 (91,4)	1	1
Y4	4 (8,2)	45 (91,8)	0,94 (0,26-3,39)	0,38 (0,04-3,63)
Y5	3 (15,0)	17 (85,0)	1,87 (0,44-7,97)	0,13 (0,01-2,61)
Y6	15 (39,5)	23 (60,5)	6,89 (2,51-18,9)*	0,48 (0,03-8,12)
Y2	1 (2,1)	47 (97,9)	0,23 (0,03-1,89)	0,48 (0,02-12,2)
Chuyên ngành				
Cử nhân Dinh dưỡng	8 (5,8)	129 (94,2)	1	1
Bác sĩ Y học dự phòng	21 (28,0)	54 (72,0)	6,27 (2,62-15,0)*	9,21 (0,73-115,7)
Cử nhân Y tế công cộng	1 (4,2)	23 (95,8)	0,70 (0,08-5,87)	0,22 (0,02-2,17)
Đã học NCKH trong chương trình đào tạo chính quy				
Đã học 1 môn về NCKH	8 (8,9)	82 (91,1)	1	1
Đã học 2 môn về NCKH	21 (22,6)	72 (77,4)	2,99 (1,25-7,16)*	2,76 (0,92-8,26)
Chưa được học	1 (1,9)	52 (98,1)	0,19 (0,02-1,62)	0,99 (0,04-25,4)
Ngoài khóa học về NCKH, bạn có được hỗ trợ đào tạo NCKH khác không				
Chưa bao giờ	11 (5,8)	178 (94,2)	1	1
Đã tham gia	19 (40,4)	28 (59,6)	10,9 (4,73-25,5)*	7,60 (2,91-19,8)*

*: $p < 0,01$

Bảng kết quả cho thấy các yếu tố như năm học, chuyên ngành, số lượng môn học về NCKH và sự hỗ trợ đào tạo NCKH ngoài khóa học có liên quan đến việc sinh viên tham gia viết bài báo đã được xuất bản. Sinh viên Y6 (OR thô = 6,89; p < 0,01) và những người đã tham gia các khóa hỗ trợ đào tạo NCKH (OR hiệu chỉnh = 7,60; p < 0,01) có khả năng tham gia viết báo cao hơn. Sinh viên ngành YHDP cũng có xu hướng tham gia viết báo nhiều hơn so với các chuyên ngành khác, dù sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê khi hiệu chỉnh.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy 38,1% sinh viên đã học ít nhất một môn liên quan đến NCKH, trong khi 20,3% sinh viên chưa tiếp cận môn học này, phần lớn là sinh viên năm thứ hai. Điều này phù hợp với khung chương trình đào tạo của ba chuyên ngành YHDP, YTCC và DD, trong đó sinh viên bắt đầu học NCKH vào năm thứ ba. Việc thiếu thời gian tiếp cận các môn NCKH từ sớm có thể giải thích tỷ lệ tham gia NCKH còn thấp ở sinh viên.

Về tham gia hội nghị NCKH, có 89,4% sinh viên chưa từng tham gia, chỉ 10,6% đã tham gia. Kết quả này tương đồng với Trần Thị Hồng nghiên cứu trên 1.377 sinh viên, nơi chỉ có 8,7% sinh viên tham gia NCKH [7]. Điều này có thể do sinh viên dành phần lớn thời gian cho học tập và thực hành lâm sàng. Ngoài ra, những hạn chế về năng lực nghiên cứu và kinh phí là những yếu tố cản trở sinh viên tham gia nghiên cứu độc lập, với phần lớn sinh viên chỉ tham gia các đề tài nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Số lượng sinh viên tham gia xuất bản bài báo trong nước và quốc tế còn rất hạn chế. Cụ thể, đối với tạp chí trong nước, có 1 sinh viên tham gia 6 bài báo đã được xuất bản, và 20 sinh viên đã tham gia 1 bài báo. Mặc dù số lượng này tương đối nhỏ, nhưng đây là tín hiệu đáng khích lệ trong bối cảnh sinh viên vẫn đang tập trung vào nhiệm vụ học tập tại trường và thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Đối với tạp chí quốc tế, chỉ có 5 sinh viên tham gia viết bài đã được xuất bản. Rào cản về ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, có thể là nguyên nhân chính dẫn đến con số khiên tốn này. Ngoài ra, các tiêu chí khắt khe trong việc xuất bản trên các tạp chí quốc tế cũng là yếu tố cản trở.

Vai trò của giảng viên hướng dẫn là rất quan trọng trong quá trình này, từ việc hỗ trợ các kỹ năng cần thiết đến việc khích lệ sinh viên, giúp họ tự tin và nỗ lực hơn [5]. Kết quả nghiên cứu cho thấy 10,2% sinh viên đồng ý với ý kiến *"không có thầy/cô thì em không thể đăng báo được"* đối với tạp chí trong nước, và 2,1% sinh viên có cùng quan điểm đối với tạp chí quốc tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia viết bài báo đã xuất bản của sinh viên. Sinh viên Y6, học ngành YHDP có khả năng tham gia xuất bản cao hơn so với các nhóm

khác theo phân tích thô. Tuy nhiên khi hiệu chỉnh các yếu tố khác, sự khác biệt này không còn ý nghĩa thống kê. Ngược lại, sinh viên tham gia các khóa học hỗ trợ NCKH ngoài chương trình chính quy có khả năng xuất bản bài báo cao hơn gấp 7,6 lần (OR hiệu chỉnh: 7,60; 95% CI: 2,91-19,8), vẫn giữ được ý nghĩa thống kê sau khi hiệu chỉnh. Điều này nhấn mạnh rằng các khóa học hỗ trợ NCKH đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu và khả năng xuất bản bài báo khoa học của sinh viên, trong khi các yếu tố khác như năm học hoặc chuyên ngành có thể không có ảnh hưởng lớn sau khi đã kiểm soát các yếu tố gây nhiễu.

Do đó, việc tổ chức các khóa học hỗ trợ NCKH cho sinh viên là cần thiết. Các câu lạc bộ sinh viên, đoàn thanh niên nên tổ chức hội thảo hướng dẫn tập trung vào chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu, phát hiện vấn đề nghiên cứu, triển khai đề tài, kỹ thuật thu thập, xử lý số liệu... Những chương trình này sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu hiệu quả [5].

Hạn chế của nghiên cứu là sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với tỷ lệ phản hồi chỉ đạt 35,1%, dẫn đến kết quả chưa thể đại diện cho toàn bộ sinh viên của Viện. Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn cung cấp cái nhìn sơ bộ về thực trạng tham gia NCKH của sinh viên, từ đó gợi mở các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng và số lượng hoạt động NCKH trong tương lai.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ tham gia NCKH của sinh viên ghi nhận là tương đối thấp. Cụ thể, chỉ có 10,6% sinh viên đã từng tham gia hội nghị NCKH, trong đó 4,2% sinh viên đảm nhận vai trò tác giả chính và người trình bày tại hội nghị. Số lượng sinh viên có bài báo đã xuất bản cũng ở mức khiêm tốn, với tối đa có 20 sinh viên có bài báo được công bố trong nước và chỉ 5 sinh viên có bài báo xuất bản quốc tế. Kết quả cho thấy, việc tham gia các khóa học hỗ trợ đào tạo NCKH có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với việc xuất bản bài báo. Do đó, nhà trường cần tích cực tổ chức các buổi hội thảo NCKH nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để nâng cao khả năng tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Thị Tuấn Nghĩa. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện ngân hàng. Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng. 2015; 162: 73-79.

[2] Salgueira A, Costa P, Gonçalves M, Magalhães E, Costa MJ. Individual characteristics and student's engagement in scientific research: a cross-sectional study. BMC Med Educ. 2012;12:95. doi:10.1186/1472-6920-12-95.

[3] Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Thị Thu Thảo, Võ Ngọc Bảo Trân. Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 2019; 55(5C): 117-125.

[4] Lê Thị Thu Hà. Nâng cao hiệu quả hoạt động ng-hiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Tân Trào. Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào. 2018; 7: 91-96.

[5] Nguyễn Văn Kiệt, Lê Sĩ Thiện. Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên khoa học Công nghệ sinh hóa - Thực phẩm, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp. 2023; 12(4): 61-69.

[6] Lê Xuân Hưng, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Ngọc Anh. Thực trạng năng lực và nhu cầu đào tạo nghiên cứu khoa học của học viên sau đại học tại Đại học Y Hà Nội năm 2021. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2021; 144(8): 176-183.

[7] Trần Thị Hồng, Phạm Hải Yến. Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp. 2017; 26(6): 59-67.